

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SY
TỈNH QT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **186/2023 /HNGĐ-ST.**
Ngày 30/6/2023
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh và bà Lộc Thị Kim Thom

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh QT tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **PTTH**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **NVT**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT. *Vắng mặt đã được triệu tập họp lần thứ 2.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị PTTH trình bày: Chị và anh NVT kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện DH, tỉnh PT vào ngày 14/3/2003. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại xã ĐK, huyện DH, tỉnh PT, đến năm 2004 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2008 do mâu thuẫn càng thẳng nên chị và con chuyển về sinh sống tại Thôn A, xã MB, huyện SY ở, sau đó anh Th có lên xin lỗi chị và ở lại sinh sống cùng chị từ đó cho đến nay, tuy nhiên

quá trình chung sống vợ chồng lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th không chịu khó tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập uống rượu, cờ bạc, bán các tài sản trong gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, tuy đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, thực tế vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H xác định, chị và anh NVT có 02 con chung là cháu NPA, sinh ngày 30/4/2004 và cháu NGB, sinh ngày 19/5/2017. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu NGB, không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu NPA hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, hiện đã đi làm và có thu nhập nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị H xác định, chị và anh Th không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh NVT đến để giải quyết vụ án nhưng anh Th đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT. Theo cung cấp của đại diện Thôn A, xã MB, huyện SY thì việc chị H và anh Th kết hôn với nhau như chị H đã trình bày là đúng thực tế. Vợ chồng chị H, anh Th chuyển về sinh sống tại Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT từ năm 2008. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh Th không chịu khó làm ăn, nợ nần nhiều, thời gian gần đây anh Th thường xuyên đi khỏi địa phương, không quan tâm đến vợ con, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Hiện nay anh Th đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương và liên lạc với gia đình, nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn xác định có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án và đã thông báo cho anh Th biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Th nhưng anh Th không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định

tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTTH xử cho chị PTTH được ly hôn với anh NVT.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu NGB, sinh ngày 19/5/2017 cho chị PTTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh NVT không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu NPA, sinh ngày 30/4/2008 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định, chị và anh Th không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị PTTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Căn cước công dân của đương sự (bản phô tô có chứng thực); Giấy khai sinh của con chung (Bản phô tô có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai nguyên đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT và Công an xã MB, huyện SY, tỉnh QT.

Chị PTTH có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh Th nhiều lần không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị H và anh Th kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện DH, tỉnh PT là hôn nhân hợp pháp; chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung với anh Th nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh NVT có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã MB, huyện SY, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh QT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh NVT có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã MB, huyện SY, tỉnh QT. Anh Th đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới cho địa phương và gia đình biết nên hiện không rõ anh Th cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Th đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh Th biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh Th vẫn không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện SY đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh NVT vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện SY quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị PTTT và anh NVT kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện DH, tỉnh PT là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, anh Th thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm đến vợ con; chị H xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với anh Th; cả hai bên không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị PTTT được ly hôn với anh NVT.

[2.2] Về con chung:

Chị PTTT và anh NVT có 02 con chung là cháu NPA, sinh ngày 30/4/2004 và cháu NGB, sinh ngày 19/5/2017. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu NGB, không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu NPA hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại Thôn A, xã MB, huyện SY thể hiện: Cháu NPA hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, hiện nay đã tự đi làm và có thu nhập để nuôi sống bản thân, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu NGB hiện đang ở cùng chị H tại Thôn A, xã MB, huyện SY, chị H có chỗ ở ổn định; chị H hiện nay ở nhà sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, ngoài ra còn làm các công việc tự do khác, công việc ổn định mức thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng; thực tế từ thời điểm hai vợ chồng sống ly thân anh Th không về thăm con, không gửi tiền nuôi con, trong suốt thời gian trên cháu NGB ở cùng chị H vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, được đi học đúng độ tuổi, chị H đảm bảo các điều kiện để nuôi con. Còn đối với anh NVT thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có chỗ ở ổn định, nên không đảm bảo các điều kiện để nuôi con chung.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu NGB và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao con chung cho chị PTTT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thành Huyền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh NVT không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị PTTT với anh NVT.

1. Về hôn nhân: Cho chị PTTH được ly hôn với anh NVT. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Th chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu NGB, sinh ngày 19/5/2017 cho chị PTTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh NVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với cháu NPA, sinh ngày 30/4/2008, hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị PTTH phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006250, ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh NVT không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Vinh – Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã ĐK (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

